

# **LUYỆN TẬP VỀ CÂU NGHI VẤN TU TỪ**

(I tiết)

## **I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Giúp HS :

- Nắm được hiệu quả diễn đạt của câu nghị vấn tu từ.
- Biết vận dụng hiểu biết nói trên vào việc đọc - hiểu văn bản và làm văn.

## **II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LUÔN Ý**

**1. Ở THCS, HS đã được học về các kiểu câu : câu trần thuật, câu nghị vấn, câu cầu khiến và câu cảm thán, trên hai bình diện đặc điểm hình thức và chức năng.**

---

(1) *Thơ Tố Hữu*, trong sách *Tố Hữu, thơ và cách mạng*, Sđd, tr. 74.

Câu nghi vấn là câu có hình thức nghi vấn (các từ *ai*, *gi*, *nào*, *sao*, *đâu*, *bao giờ*, *bao nhiêu*, *à*, *ư*, *hả*, *chứ*, (*có*)... *không*... ; từ *hay* nối các vế có quan hệ lựa chọn). Chức năng chính của câu nghi vấn là dùng để hỏi (trong trường hợp này, dùng *dấu chấm hỏi* ở cuối câu, khi viết). Ngoài ra trong nhiều trường hợp, câu nghi vấn còn được dùng với những chức năng khác như câu khiếu, cảm thán (trong trường hợp này khi viết không nhất thiết dùng *dấu chấm hỏi* mà có thể dùng *dấu chấm* hoặc *dấu chấm than* ở cuối câu),...

**2.** Cần phân biệt câu nghi vấn nói chung với câu nghi vấn tu từ. Câu nghi vấn tu từ là câu có hình thức nghi vấn nhưng nội dung của nó đã bao hàm ý trả lời (khẳng định hay phủ định) và biểu lộ một cách tế nhị cảm xúc của người phát ngôn.

### III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Đây là một bài luyện tập. GV hướng dẫn HS làm bài theo trình tự đã có trong SGK.

#### *Bài tập 1*

Những câu nghi vấn trong đoạn trích thứ nhất có chức năng dùng để hỏi (được đáp lại bằng câu trả lời).

Câu nghi vấn trong đoạn trích thứ hai không dùng để hỏi mà dùng để xác nhận một sự việc và biểu lộ cảm xúc của tác giả. Có thể diễn đạt câu thơ ấy bằng một câu văn xuôi, chẳng hạn : "Không có gì sâu bằng những trưa thương nhớ...".

#### *Bài tập 2*

Bài *Nhớ đồng* có mười ba khổ thơ (dài ngắn khác nhau) thì mười một khổ có câu nghi vấn tu từ (trừ khổ thứ mười một và mươi hai). Những câu nghi vấn tu từ đó đã phát huy hiệu quả nghệ thuật trong việc thể hiện nỗi nhớ của tác giả.

#### *Bài tập 3*

a) Hàm ý trả lời trong từng câu như sau :

- Nguyễn Giang cũng ở trong những người ấy.
- Cái xã hội... chính là do các nhân vật ấy gây ra.

b) Phần nội dung chung trong các hàm ý trả lời trên là ý khẳng định, xác nhận.

c) Chẳng hạn :

*Các vị La Hán chùa Tây Phương  
Tôi đến thăm về lòng vấn vương  
Há chẳng phải đây là xứ Phật  
Mà sao ai nấy mặt đau thương ?*

(Huy Cận)

d) Xem lại phần a.

#### **Bài tập 4**

a) Hàm ý trả lời trong từng câu như sau :

- Người ta không phải là cầm thú.
- ... không thể tưởng tượng là mình khoẻ và tự khắc khoẻ.
- Không ai cho lương thiện. Không thể làm mất được những vết mảnh chai.

b) Phần nội dung chung trong các hàm ý trả lời trên là ý phủ định, phủ nhận.

c) Chẳng hạn :

*Hồi sông Hồng tiếng hát bốn ngàn năm  
Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng ?*

(Chế Lan Viên)

d) Xem lại phần a.

#### **Bài tập 5** để HS làm ở nhà.

### **IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Uỷ ban khoa học xã hội Việt Nam, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Sđd.
- Đinh Trọng Lạc (Chủ biên), Nguyễn Thái Hoà, *Phong cách học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, 1993.